



## BẢNG THEO DÕI THÍNH, THỊ & PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM TỪ SƠ SANH ĐẾN 6 TUỔI

### THÍNH GIÁC:

(Em nhô biết hoặc làm được hay không?)

- A. Nhận biết được tiếng động trong nhà (điện thoại, tiếng gõ cửa, tiếng Tivi...)
- B. Phát âm không lớn quá hoặc nhỏ quá.
- C. Chơi nhăng dù chơi gây tiếng kêu (lúc lắc, chường).
- D. Nhại giọng (từ một tuổi trở lên).
- E. Biết làm theo sự chỉ dẫn bằng lời nói.
- G. Biết điều chỉnh âm thanh của Tivi hoặc Radio.
- H. Biết nghe kể chuyện, máy ghi âm, hoặc Tivi mà không thấy khó.
- I. Cố gắng nói để người lạ hiểu (từ 2 tuổi rưỡi trở lên).
- J. Chạy tới khi nghe kêu từ một phòng khác (từ 2 tuổi trở lên.)

### THỊ GIÁC:

(Em nhô biết hoặc làm được hay không?)

- A. Biết tiếp xúc bằng mắt (nhìn vào mắt bạn).
- B. Dỗi mắt nhìn theo một vật chuyển động xung quanh.
- C. Dì hoặc bò mà không thường vấp phải đồ vật.
- D. Nhận người hoặc vật mà không che mắt.
- E. Biết giữ đồ vật xa nhau với một khoảng cách thông thường (trẻ từ 6 tháng trở lên)
- F. Dì hoặc bò không ngập ngừng qua các chỗ có bóng tối hoặc các chỗ nhìn khác nhau như: chỗ trại thâm, chỗ lát gạch.
- G. Nhận người hoặc đồ vật mà không phải ngó xiêng hoặc hé mắt (từ 9 tháng trở lên.)
- H. Cố đổi mắt trong không bị đỗ hoặc cũn nước.

## EM NHỎ BIẾT HOẶC LÀM DUỢC HAY KHÔNG NHỮNG ĐIỀU SAU ĐÂY :

### SƠ SANH ĐẾN 3 THÁNG

- A. Đầu và ngực nhắc lên cao, mỗi khi nằm xấp.
- B. Cử động dễ dàng cánh tay và cẳng chân.
- C. Xoay đầu qua phía này, phía kia để theo dõi cử động của người khác.
- D. Biết cầm chai hoặc vú và bú dễ dàng.
- E. Sở hái hoặc khóc khi có tiếng động bất thắn và lớn.
- F. Nhìn vào người khác và quan sát nét mặt.
- G. Biết bắt chước tiếng nước chảy hoặc tiếng chim kêu.
- H. Biết cười để đáp lại tiếng cười hoặc câu chuyện của người khác.
- I. Đề trả lại yên lòng khi được đỡ đánh.

### TỪ 3 THÁNG ĐẾN 6 THÁNG

- A. Khi nằm ngủ, biết nghịch đua với đôi chân.
- B. Nhắc đầu và ngực bằng cách chống tay khi nằm xấp.
- C. Ngang đầu thẳng và ngay ngắn mà không cần dựa.
- D. Biết lật sấp, lật ngửa.
- E. Biết chơi bằng hai bàn tay, tay nọ dùng tay kia.
- F. Biết vui lấy đồ chơi.
- G. Lấy được đồ chơi trong tay và tự.
- H. Hướng đầu theo hướng có tiếng động.
- I. Phát âm được nhiều điều khác nhau.
- J. Cười lớn thành tiếng.
- K. Biết diễn tả lúe thich, lúe ghét.

### TỪ 6 THÁNG ĐẾN 12 THÁNG

- A. Tự đứng dậy được khi vịn vào vật khác.
- B. Ngồi không cần dựa trong lúc chơi đồ chơi.
- C. Chuyển vật nhỏ từ tay này sang tay kia.
- D. Biết đưa ngôn ngữ lên miệng ngậm.
- E. Biết vẫy tay chào.
- F. Khi muốn điều gì có thể cho người khác hiểu bằng động tác và âm thanh.
- G. Bác chuối nhai những âm thanh (ba-ba, ga-du...)
- H. Khi chơi với người lớn biết đáp ứng thử từ lùn luợt (hành động, âm thanh, biểu hiệu trên nét mặt...)
- I. Chứng tỏ hiểu được các câu hỏi giản dị (ví dụ: "muốn nữa không?")
- J. Phản biện được cha mẹ và người la

### TỪ 12 THÁNG ĐẾN 18 THÁNG

- A. Đi một mình.
- B. Biết nhặt món đồ nhô (cố trái nho).
- C. Biết bỏ đồ vật vào hộp và biết đổ ra.
- D. Biết xếp vật này lên trên vật kia.
- E. Biết tự dứt ăn hàng thừa muỗng.
- F. Biết cầm ly và uống dù nước có trào ra ngoài.
- G. Biết chui vào cái đồ vật hoặc hình ảnh khi được nói tên.
- H. Biết nói 2, 3 chữ khác ngoài hai tiếng "bố", "mẹ".
- I. Biết đòi vải mòn đồ bằng tên mòn đồ.
- J. Biết phân biệt cha mẹ và người lạ.

### TỪ 18 THÁNG ĐẾN 2 TUỔI

- A. Đi lén và đi xuống thang lầu với tay bám.
- B. Biết viết, vẽ nguệch ngoạc.
- C. Chuyển động người khi có nhạc.
- D. Biết nói 2 chữ liên "khẽm nước..."
- E. Khỏi sợ biết hỏi "nước hả?", "về hả?"
- F. Biết ăn và cần bánh mì một mình.
- G. Biết tự cởi giày, vớ.
- H. Biết xem hình trong sách truyện với người lớn.
- I. Biết lựa chọn trong các món đồ chơi nhỏ ví dụ: xe truck đồ chơi...
- J. Bắt chước trò chơi của trẻ khác: đồ cắt, lieng banh...

### TỪ 2 TUỔI ĐẾN 3 TUỔI

- A. Đi bộ vững, chạy, ngừng, leo lên/lowering bắc và ngồi xóm.
- B. Biết chồng chất 2 thứ đồ vật trở lên.
- C. Dùng muỗng và lży một mình khi ăn.
- D. Biết theo lời dặn làm 2 đợt ("Đi lấy sách, mang sách để lên bàn")
- E. Cố thế kế tên 5-6 bộ phận của cơ thể.
- F. Cố thế tham gia các mẫu chuyện giản dị.
- G. Cố thế trả lời các câu hỏi giản dị với chữ "cái gì?", và "làm gì?", "muốn gì cho bùa ăn trưa?".
- H. Biết chỉ đúng đồ vật khi được cho biết công dụng của nó. "Uống nước với cái gì?".
- I. Cố thế giúp một vài công việc giản dị (nhặt đồ chơi.)
- J. Nói được đều đặn những câu có khoảng 2, 3 chữ.

### TỪ 3 TUỔI ĐẾN 4 TUỔI

- A. Biết nhảy, chạy, ném, leo trèo, giữ thẳng bằng.
- B. Biết dùng hút chì vẽ lên xuống, vòng quanh và các đường phu.
- C. Dùng vật dụng và đồ chơi để bầy trì chơi.
- D. Thích sụp cờ hình và thích được nghe đọc.
- E. Hiểu những chữ nói về vị trí của đồ vật (phía sau, ở dưới, ở trong, ở trên).
- F. Biết nói những câu để hiểu.
- G. Hỏi nhiều câu hỏi "tại sao" và "cái gì?"
- H. Thích chơi với các trẻ khác.
- I. Đổi khi biết chờ tới phiên mình.
- J. Biết trả lời những câu hỏi giản dị "ở đâu?", "và ai?"

### TỪ 4 TUỔI ĐẾN 5 TUỔI

- A. Thích té lán, hoặc những trò chơi khác dùng đến bắp thịt (như dùng chân).
- B. Nhảy một chân (nhảy lô-có).
- C. Vẽ được khuôn mặt giống như thật.
- D. Biết mặc quần áo với sự phụ giúp chút đỉnh.
- E. Biết đặt câu hỏi với những chữ: "Cái gì? ở đâu?, ai? và tại sao?"
- F. Nói được hầu hết các nguyên âm một cách rõ ràng ngoại trừ các âm "S, Z, TH và R"
- G. Biết dùng những chữ diễn tả hình dạng và số lượng (to, nhiều).
- H. Biết xung họ và tên.
- I. Thích những trò chơi có tổ chức với trẻ khác (trò roulette).

### TỪ 5 TUỔI ĐẾN 6 TUỔI

- A. Thích những trò chơi: bắt, lieng và đá banh.
- B. Giữ được cân bằng trong các trò chơi vận động bắp thịt như trò chơi roulette, trò chơi ném bällen).
- C. Thích cát bằng kèo.
- D. Tự mặc quần áo, gài nút, bấm nút bấm và kéo pheve-ma-tuya.
- E. Chứng tỏ sự thích thú học viết.
- F. Nói chuyện, thích những câu chuyện trong gia đình (dùng cùng loại chữ và câu nói).
- G. Biết theo lời chỉ dẫn gồm 3 đợt theo thứ tự (ví dụ: "Lấy trái banh, bỏ vào hộp đồ chơi, và di tới bàn...").
- H. Biết xung họ tên, tuổi và phái tính...
- I. Thích thú chơi những trò chơi tập thể với các trẻ khác.